

Bản tin chứng khoán

Trong số này

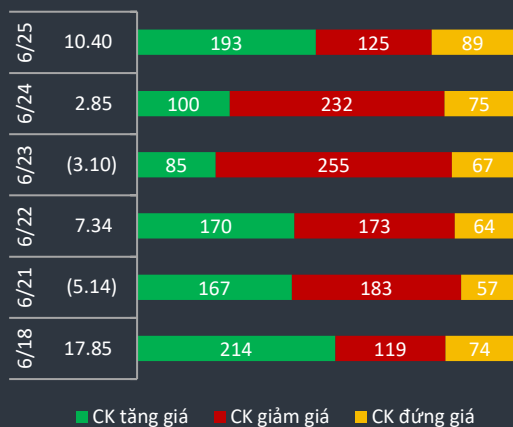
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

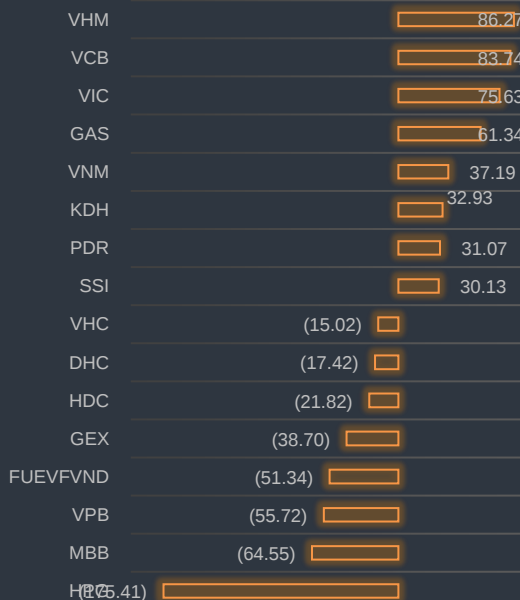
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

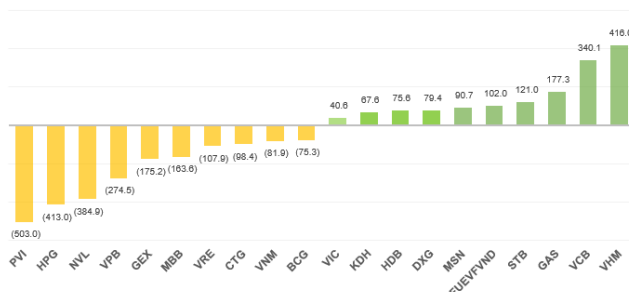


Thị trường chứng khoán đã có phiên tăng 10 điểm giúp VnIndex lên 1,390 điểm và VN30-Index và chạm mốc 1,500 điểm. Về độ rộng của thị trường, sàn HOSE hôm nay có 193 mã tăng giá, chiếm ưu thế so với 125 mã giảm và 89 mã tham chiếu. Thanh khoản duy trì ở mức thấp với tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt hơn 813 triệu đơn vị, tương ứng giá trị 23.250 tỷ đồng. Trong đó, giá trị khớp lệnh trên sàn HOSE hôm nay đạt 16.662 tỷ đồng, vẫn thấp hơn so với trung bình các phiên tuần trước luôn trên 20,000 tỷ.

Thị trường tăng mạnh trở lại trong phiên chiều sau khi biến động với biên độ hẹp suốt phiên sáng. Nhóm Vn30 được thúc đẩy nhờ nhóm cổ phiếu SSI, PDR, NVL, HDB, KDH, GAS. Nhưng động lực chính của thị trường đến từ nhóm chứng khoán. Sau 7 phiên dao động tích lũy, dòng tiền chính thức quay trở lại dòng chứng khoán nhờ thông tin hệ thống mới giao dịch có thể sớm đưa vào sử dụng đầu tháng 7. Nhóm cổ phiếu chứng khoán hàng đầu đều tăng trần như HSM, SSI, FTS. Những mã khác trong nhóm này cũng ghi nhận mức tăng giá trên 5% như BVS, CSI, APG, MBS, AAS, BSI và VND.

Sức nóng từ nhóm cổ phiếu chứng khoán đã lan tỏa hiệu ứng tích cực lên các nhóm ngành còn lại. Cổ phiếu nhóm ngân hàng có hơn 1/2 tăng giá trên diện rộng với mức trung bình trên 1.5% như HDB, STB, VCB, TCB, SSB, BID, CTG, TPB...

Khối ngoại mua ròng nhẹ trong ngày trong đó nhóm blue chip lớn được mua ròng khá nhiều như VHM(86.3 tỷ), VCB(83.7 tỷ), VIC(75.6 tỷ), GAS(61.3 tỷ), VNM(37.2 tỷ). Tính chung cả tuần khối ngoại vẫn bán ròng khoảng 1,100 tỷ. trong đó bán ra nhiều nhất là nhóm cổ phiếu PVL, HPG, NVL, VPB.

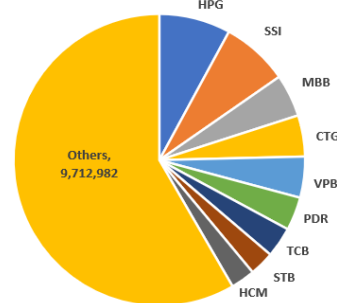


Vnindex 1,390.12

▲ +10.4 (+0.75%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
SSI	53.7	3,500	6.97
PDR	95.0	6,000	6.74
NVL	119.1	4,100	3.57
HDB	35.3	1,050	3.07
GAS	98.0	2,200	2.30
VCB	112.6	1,900	1.72
STB	29.5	500	1.72
TCB	51.6	700	1.38
VNM	89.7	1,000	1.13
PLX	56.5	500	0.89
BID	45.6	350	0.77
CTG	53.8	400	0.75
TPB	35.9	250	0.70
FPT	85.2	500	0.59
BVH	58.3	300	0.52
GVR	35.0	150	0.43
ACB	36.4	150	0.41
HVN	27.3	100	0.37
VJC	115.9	400	0.35
MBB	42.1	100	0.24
HPG	50.7	100	0.20
REE	56.5	100	0.18
SAB	171.9	-	-
VHM	112.1	-	-
VIC	117.5	-	-
BCM	54.6	-	-
POW	12.2	-	-
MSN	106.4	(100)	(0.09)
MWG	143.7	(300)	(0.21)
DHG	95.6	(400)	(0.42)
VPB	68.2	(400)	(0.58)
PNJ	97.4	(700)	(0.71)
VRE	31.6	(400)	(1.25)
VIB	49.1	(900)	(1.80)

Thị trường tăng khoảng 12 điểm trong tuần và đưa chỉ số Vnindex lên mốc đỉnh mới 1390. Chỉ số tăng tốt nhưng thanh khoản lại sụt giảm mạnh là yếu tố đáng chú ý đợt này. Cổ phiếu trong 2 tuần gần đây hầu hết đều đi ngang và dao động trong biên độ hẹp vì vậy nhà đầu tư khó kiếm lợi nhuận hơn. Do biến động không lớn dẫn đến hoạt động xoay vòng cổ phiếu trở nên lâu hơn và nhà đầu tư ít mua bán liên tục như trước. Hoạt động margin trong tuần gần nhất cũng hạ nhiệt bớt cũng là nguyên nhân dẫn đến thanh khoản sụt giảm.

Thông tin hệ thống mới đi vào vận hành từ tháng 7 là thông tin tích cực nhất trong giai đoạn hiện tại. Tình hình dịch bệnh cả nước đã hạ nhiệt và chỉ còn điểm dịch lớn nhất tại TP.HCM. Tuy nhiên có thể trong vòng 1 tuần tới có thể cải thiện dần và thành phố có thể khóa vòng vây F0 ngoài cộng đồng.

Thị trường có nhiều cơ hội chạm và vượt mốc 1400 trong tuần tới và có thể sẽ còn nhiều phiên tăng giảm xen kẽ. Hai nhóm ngành ngân hàng và chứng khoán vẫn là trọng tâm trong ngắn hạn hiện tại. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và tận dụng các nhịp điều chỉnh để tích lũy thêm.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	33.2	(0.2)	17	23	Mục tiêu 37. Chuẩn bị chốt lãi	3/3/2021	74.7%
CTG	53.8	5.1	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 60	2/3/2021	54.2%
OCB	30.1		18	30	Mục tiêu 35. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	43.3%
HPG	50.7	(2.7)	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 80	2/3/2021	20.7%
MWG	143.7	1.9	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	12.7%
STB	29.5	(0.5)	15	22	Mục tiêu 34. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	63.9%
D2D	54.7	(6.5)	52	65	Mua quanh 52. Mục tiêu 65	5/4/2021	5.2%
SZC	38.2	(8.2)	32	44	Mục tiêu 40. Chuẩn bị chốt lời	5/4/2021	14.0%
PET	21.4	(4.0)	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	8.6%
PNJ	96.0	(0.6)	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	42.1	3.8	20	27	Chốt lãi	2/3/2021	73.3%
FPT	85.2	1.7	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	21.7%
VPB	68.2	2.6	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	92.1%
HSG	41.3	(4.0)	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	72.8%
DGW	130.0	(2.6)	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

HAH	4.38
VND	5.39
BSI	5.58
VNE	5.60
PDR	6.74
VTO	6.85
VTO	6.85
HID	6.86
FTM	6.90
FTS	6.90
TGG	6.90
TTF	6.93
TNT	6.93
HCM	6.97
SSI	6.97
VOS	6.99
HTT	7.14
ATG	7.69
HVG	12.50
LMH	14.29

Top tăng giá HNX

MCF	3.33
WSS	3.41
HLD	3.61
PVI	3.75
PHP	3.91
VC2	3.93
SHN	3.94
ART	3.96
APS	4.03
PVE	4.35
CMS	4.35
SHS	4.58
VSA	4.76
DBC	4.98
MPT	5.56
VE3	5.56
MBS	5.82
CET	6.06
MEC	6.45
VCS	6.49
BVS	6.64
L43	8.16
FID	8.33
NBC	8.55
PCG	9.38
HBS	9.52
HTP	9.95
NGC	13.46
SPP	14.29
DNY	14.29
SGO	14.29

VIC - Tập đoàn Vingroup – Đã thông qua việc phát hành tối đa 0,2% vốn điều lệ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt (ESOP). Vốn điều lệ hiện tại của Vingroup là 33.824 tỷ đồng. Nếu phát hành dựa trên số vốn này, số lượng ESOP sẽ là 6,76 triệu cổ phiếu.

SCG – Ngày 6/7 chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu từ 15/7 đến 31/7, thời gian đăng ký mua từ 15/7 đến 5/8.

Doanh nghiệp sẽ chào bán 35 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cp. Tỷ lệ phân phối 70%, vốn điều lệ doanh nghiệp dự kiến tăng từ 500 tỷ đồng lên 850 tỷ đồng.

MSB - Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Đã thông qua việc phát hành 18 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

TTF - CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành - Đã thông qua phương án phát hành chào bán hơn 59,46 triệu cổ phiếu riêng lẻ (cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp trong nước, mức cổ tức ưu đãi cố định 12%/năm.

VDS - Thông báo phát hành hơn 5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020, theo tỷ lệ 20:1 (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Chi tiết sẽ được thông báo sau.

TGG - CTCP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang - Đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ 175.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ sở hữu 5% tại CTCP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia.

MSN - CTCP Tập đoàn Masan - Ngày 01/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 02/7. Theo đó, cổ tức trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 9,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 16/07/2021.

VHG - CTCP Đầu tư Phát triển Việt Trung Nam - Đã thông qua phương án bán bớt vốn tại công ty con duy nhất là Công nghiệp Cao su Quảng Nam. Số lượng cổ phần dự kiến thoái đạt 9,6 triệu cp. Tổng giá trị thoái vốn tối thiểu là 13 tỷ đồng, tương ứng trên 1.350 đồng/cp.

SGH - CTCP Khách sạn Sài Gòn - Saigon Hotel dự kiến đem về 15 tỷ đồng tổng doanh thu (giảm 15%) và lãi sau thuế 2,4 tỷ đồng (giảm 45% so với thực hiện năm 2020).

TV2 - CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Đăng ký góp vốn thành lập CTCP Năng lượng Sinh khối Hậu Giang. Tổng mức đầu tư dự án của Nhà máy sinh khối Hậu Giang là 875 tỷ đồng. Trong đó, 30% vốn chủ sở hữu và 70% vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Quy mô công suất là 20MW. Dự án dự kiến được khởi công vào quý 4/2021.

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG) vừa công bố tình hình kinh doanh tháng 5/2021 với doanh thu thuần đạt hơn 11.380 tỷ đồng và LNST đạt 481 tỷ đồng, tăng lần lượt 10% và 26% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, MWG tăng trưởng 18% về doanh thu và 37% về LNST, trong đó đã tăng một phần đến từ sự tiếp tục bứt phá của Bách Hoá Xanh (BHX). Tháng 5 cũng ghi nhận doanh thu cao nhất tính từ đầu năm 2021.

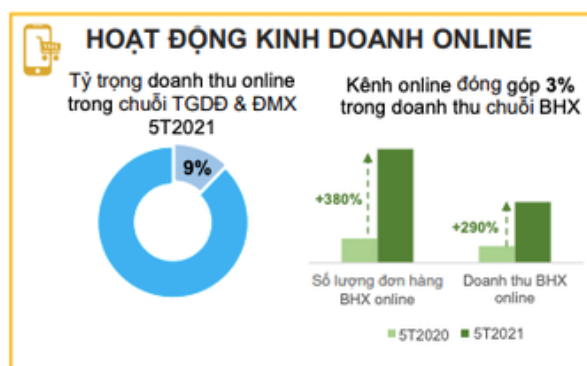
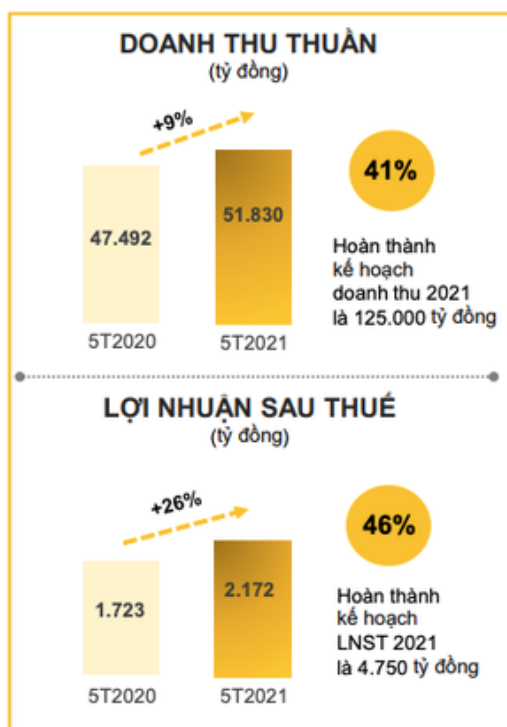
Lũy kế 5 tháng đầu năm 2021, MWG ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất là 51.830 tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ) và lợi nhuận sau thuế (LNST) là 2.172 tỷ đồng (tăng 26% so với cùng kỳ). Với kết quả này, Công ty đã thực hiện 41% kế hoạch doanh thu và 46% kế hoạch LNST cả năm.

Trong đó, doanh thu online đóng góp 4.024 tỷ đồng cho MWG. Doanh thu online riêng tháng 5 tăng 77% so với tháng 4 do nhu cầu mua sắm trực tuyến tăng trong mùa dịch.

Cuối tháng 5, ĐMX Supermini (ĐMS) có 537 cửa hàng (trong đó, 64 cửa hàng mở mới chỉ trong tháng 5). ĐMS đóng góp hơn 2.370 tỷ đồng doanh thu lũy kế sau 5 tháng chiếm 9% doanh thu của chuỗi ĐMX.

Chuỗi BHX ghi nhận doanh thu hơn 10.600 tỷ đồng cho 5 tháng đầu năm 2021, tăng 36% so với cùng kỳ. Doanh thu BHX lần đầu tiên vượt mốc 2.500 tỷ đồng trong tháng 5, tăng 19% so tháng 4 và tăng 56% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu trung bình trên mỗi cửa hàng trong tháng này đạt hơn 1,35 tỷ đồng, một phần do nhu cầu tích trữ hàng hóa thiết yếu của người dân tăng mạnh trước các đợt giãn cách xã hội.

Tại thời điểm 31/5/2021, BHX có tổng cộng 1.851 điểm bán (tăng 48 cửa hàng trong tháng 5) tại 25 tỉnh thành. Đến cuối tháng 5/2021, chuỗi có 395 cửa hàng diện tích từ 500m2 trở lên, mô hình này đã xuất hiện ở tất cả 25 tỉnh thành có sự hiện diện của BHX. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu tổng số lượng cửa hàng đạt khoảng 2.000 cửa hàng vào cuối năm 2021 và tập trung vào cải thiện khả năng sinh lời cũng như nâng cấp các cửa hàng có doanh số cao lên mô hình 500m2. Có nghĩa là sau giai đoạn thử nghiệm BHX sẽ ưu tiên phát triển mô hình cửa hàng tầm trung từ 500m2. Đây là nguồn thu lớn nhất của MWG hiện tại khi cả hai phân khúc ĐMX và TGDĐ đều đóng cửa tại TPHCM trong tháng 6 vừa qua. Lợi nhuận T6 sắp tới của MWG có thể bị ảnh hưởng lớn sau khi hầu hết cửa hàng ĐMX và TGDĐ đều đóng cửa

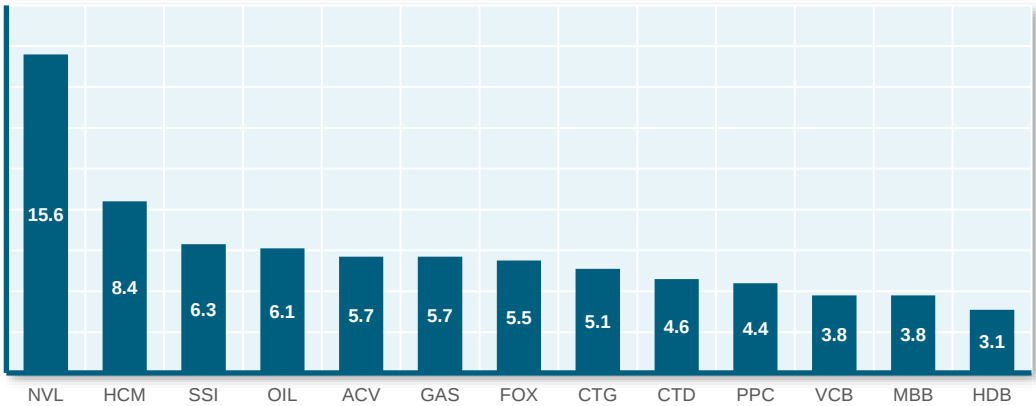


4.532 cửa hàng tính tới cuối T5/2021

CHUỖI	SỐ LƯỢNG CỬA HÀNG	CƠ CẤU DOANH THU	TĂNG TRƯỞNG DOANH THU 5T2021 SV. CÙNG KỲ
TGDĐ	927	25,8%	+8%
ĐMX	1.699	53,4%	+1%
BHX	1.851	20,5%	+36%
Bluetronics	55	0,3%	+260%



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	22.5	1,733,334	10.1	1.4	-	-	12,855	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	36.4	7,934,000	8.2	2.1	-	-	98,216	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	25.9	77,910	27.6	2.1	1,000	1,000	18,350	-	939	12,064
BID	HNX	45.6	2,572,300	21.7	2.2	363,600	367,900	183,203	16.60	2,103	20,453
CTG	HOSE	53.8	14,298,400	11.3	2.2	652,600	143,700	200,319	25.09	4,761	24,665
EIB	HOSE	29.3	332,000	41.1	2.1	1,000	3,000	35,961	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	35.3	4,996,600	8.7	2.1	935,300	111,800	56,260	17.38	4,066	16,572
LPB	UPCOM	29.5	4,316,100	13.2	2.1	2,500	30,600	31,702	3.18	2,239	14,059
MBB	HOSE	42.1	18,753,300	10.8	2.2	1,040,900	2,591,300	117,828	21.17	3,912	19,196
MSB	HOSE	28.4	5,347,400	11.7	1.8	-	800	32,801	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	19.0	8,654,431	-	1.8	200	-	7,729	8.70	27	10,532
OCB	HOSE	30.1	1,903,100	9.0	1.8	15,300	50,000	32,987	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	27.1	15,032,564	13.5	1.9	28,300	15,500	52,182	4.02	2,013	14,631
SSB	HOSE	40.1	2,106,000	30.1	3.4	-	-	48,471	-	1,331	11,769
STB	HOSE	29.5	15,572,700	19.7	1.8	285,600	93,700	53,208	12.19	1,495	16,485
TCB	HOSE	51.6	10,947,700	12.7	2.3	22,500	22,500	180,853	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	35.9	2,778,100	8.2	2.1	-	-	38,473	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	112.6	1,688,800	19.7	4.1	1,044,900	294,190	417,620	23.44	5,708	27,234
VIB	HOSE	49.1	1,049,500	9.3	2.8	28,200	249,900	76,259	20.43	5,297	17,420
VPB	HOSE	68.2	11,060,600	14.7	3.0	-	816,700	167,414	20.46	4,628	22,811
			131,154,839	15.86	2.27	4,421,900	4,792,590	1,862,690		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

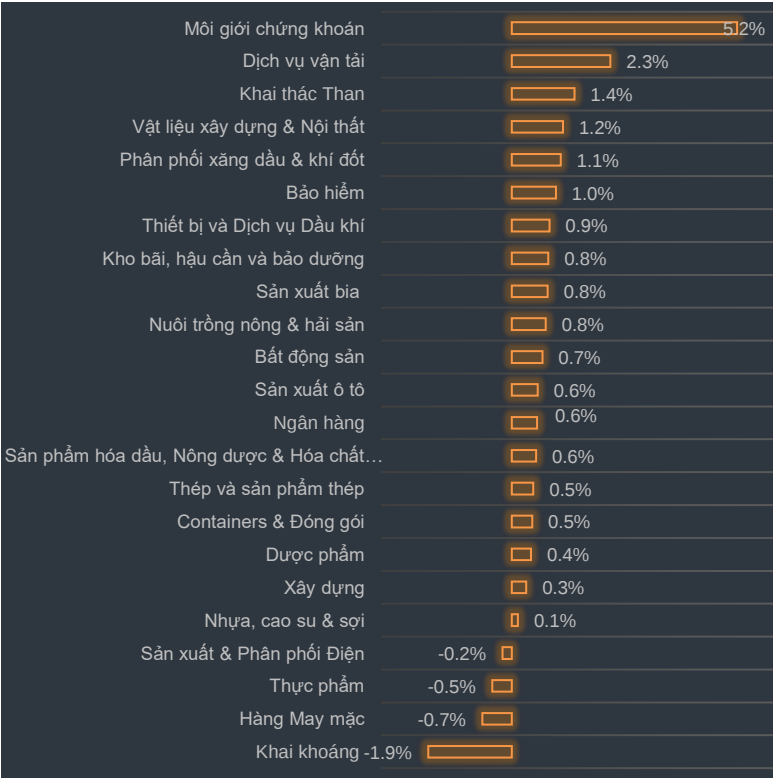
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	53,700	14,779,298	35,168,935	2,552.8	21.0	3.03	17,724
VCI	UPCOM	53,200	2,570,627	17,715,600	2,829.4	18.8	1.79	29,655
HCM	HNX	48,400	5,931,309	14,748,773	2,674.9	18.1	3.10	15,612
VND	UPCOM	45,000	6,034,959	9,653,161	5,308.7	8.5	2.15	20,939
SHS	UPCOM	43,400	9,492,392	8,995,440	4,994.5	8.7	2.42	17,951
MBS	UPCOM	30,900	2,423,404	8,269,068	1,279.0	24.2	2.35	13,147
FTS	HOSE	37,200	822,659	5,412,340	2,841.6	13.1	2.10	17,751
VIX	HNX	29,600	6,162,632	3,780,482	5,259.2	5.6	1.83	16,190
AGR	HOSE	14,200	2,098,884	2,999,039	572.1	24.8	1.45	9,775
BSI	UPCOM	22,700	1,768,525	2,759,655	2,051.4	11.1	1.79	12,711
ORS	HNX	26,700	761,242	2,670,000	1,516.4	17.6	2.53	10,574
VDS	HOSE	25,600	942,016	2,562,558	3,383.2	7.6	1.99	12,884
CTS	HOSE	23,900	1,670,343	2,542,951	2,444.1	9.8	1.72	13,885
TVS	HOSE	24,600	108,652	2,416,585	4,714.3	5.2	1.66	14,852
BVS	UPCOM	30,500	1,085,153	2,202,104	3,033.8	10.1	1.13	26,909
EVS	HOSE	34,600	430,430	2,076,014	2,382.6	14.5	2.44	14,167
SBS	HOSE	15,500	2,996,744	1,963,230	25.2	616.1	9.43	1,643
PHS	HOSE	13,100	596	1,179,000	828.3	15.8	1.16	11,291
TVB	HOSE	15,400	730,111	1,095,616	1,973.7	7.8	1.32	11,645
ART	HNX	10,500	6,342,142	1,017,686	269.8	38.9	0.92	11,459
TCI	UPCOM	16,000	262,467	792,000	2,331.0	6.9	1.31	12,235
IVS	UPCOM	10,300	111,800	714,305	352.2	29.2	1.04	9,862
BMS	UPCOM	13,400	65,970	670,000	1,808.9	7.4	1.03	12,977
APS	HOSE	15,500	1,847,695	604,500	2,395.8	6.5	1.39	11,126
PSI	UPCOM	10,100	116,619	604,397	182.9	55.2	0.96	10,519
AAS	HOSE	16,700	2,307,157	517,700	(40.2)	(415.3)	1.48	11,276
WSS	HNX	9,100	193,030	457,730	(44.4)	(204.9)	0.92	9,859
VFS	UPCOM	10,000	104,811	410,000	940.3	10.6	0.89	11,247
APG	UPCOM	11,000	1,933,593	372,616	1,157.5	9.5	0.92	12,002
HBS	HOSE	9,200	134,690	303,600	133.8	68.7	0.78	11,828
HAC	UPCOM	9,700	27,266	283,011	999.4	9.7	0.86	11,259
CSI	UPCOM	13,000	125	218,400	832.7	15.6	1.28	10,175
VIG	UPCOM	5,600	1,437,685	191,146	(150.9)	(37.1)	1.00	5,579
DSC	HOSE	13,300	14,105	79,800	25.5	522.3	1.31	10,129



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CKG	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NBC	HNX	14/07/2021	15/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PMP	HNX	13/07/2021	14/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,030 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	MCF	HNX	8/7/2021	9/7/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CPC	HNX	8/7/2021	9/7/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DCM	HOSE	7/7/2021	8/7/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	MLC	UPCoM	6/7/2021	7/7/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,538.897 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	KSB	HOSE	6/7/2021	7/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	CAV	HOSE	5/7/2021	6/7/2021	23/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VSA	HNX	2/7/2021	5/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	VSA	HNX	2/7/2021	5/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	PBP	HNX	2/7/2021	5/7/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HTI	HOSE	2/7/2021	5/7/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	NED	UPCoM	2/7/2021	5/7/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DSS	OTC	1/7/2021	2/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,050 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	DRI	UPCoM	1/7/2021	2/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 270 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VPG	HOSE	1/7/2021	2/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	MSN	HOSE	1/7/2021	2/7/2021	16/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 950 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	FOX	UPCoM	30/06/2021	1/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	VID	HOSE	30/06/2021	1/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	TVA	UPCoM	30/06/2021	1/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TDF	UPCoM	30/06/2021	1/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DOC	UPCoM	30/06/2021	1/6/2021	8/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TCD	HOSE	30/06/2021	1/7/2021	22/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	TCD	HOSE	30/06/2021	1/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	SCS	HOSE	29/06/2021	30/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DSV	UPCoM	29/06/2021	30/06/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	CT5	UPCoM	29/06/2021	30/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

PDR, SJS, DRH

Xây dựng:

TGG, , HID, VNE

Dầu khí:

PCG, PVS, GAS

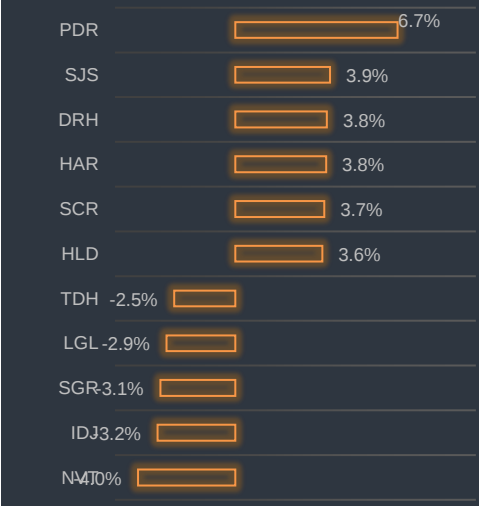
Chứng khoán:

HBS, SBS, HCM

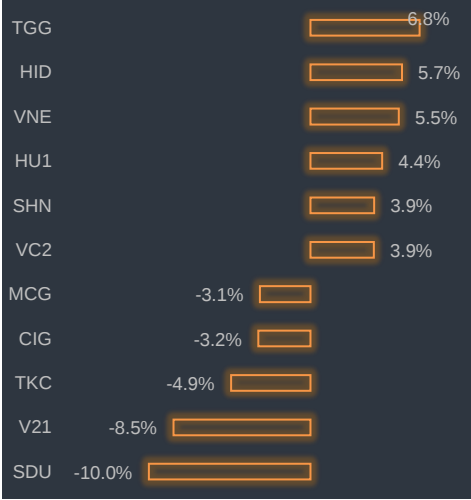
Ngân hàng:

HDB, STB, VCB

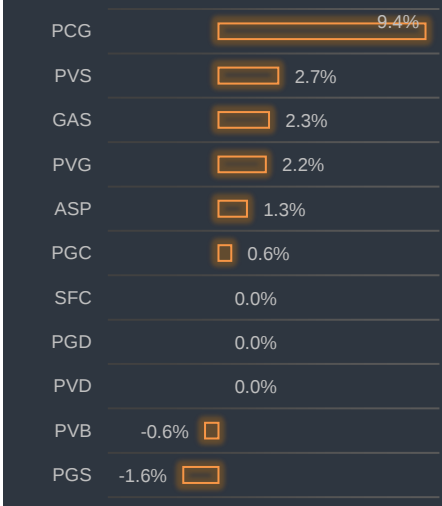
Bất động sản



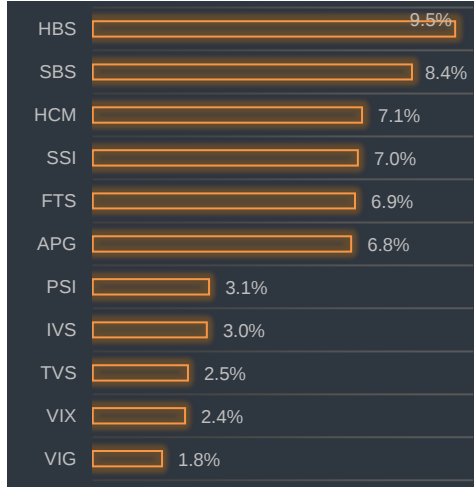
Xây dựng



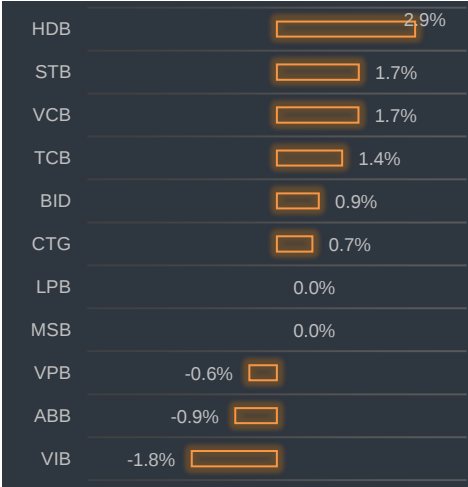
Dầu khí



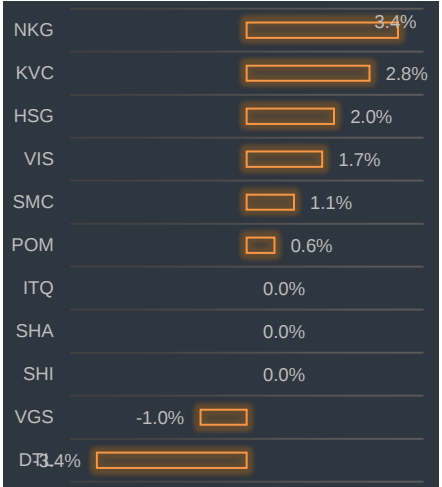
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931